

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025)
LỚP K16A-D2A (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

				Số Đvht :	2	8	4				
				Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)				
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	KNGTBH	TTTN	DHCT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
1	16011007	Nguyễn Cao Việt	An	12/12/2004	0.0		0.0				(1:0)
2	16011026	Ứng Hồng Minh	Anh	20/03/2002	7.7		7.2				
3	16011028	Vũ Thị Vân	Anh	24/12/2001	7.9		7.7				
4	16011031	Bùi Phương	Anh	01/08/2004	0.0		0.0				(1:0)
5	16011020	Nguyễn Thị Hải	Ánh	10/01/2004	6.8		7.1				
6	16011031	Hứa Thị Ngọc	Ánh	07/07/2004	7.1		7.1				
7	16011026	Lò Thị Kim	Bình	28/08/2004	0.0		0.0				(1:0)
8	16011031	Cử Thị Hồng	Chung	10/10/2004	0.0		0.0				(1:0)
9	16011028	Nguyễn Thị	Diệu	26/01/2004	7.1		7.7				
10	16011021	Bùi Thái	Dương	04/11/2001	8.0		8.3				
11	16011020	Phan Tiến	Đạt	20/04/2004	7.7		8.3				
12	16011025	Hoàng Thị Thu	Hà	03/01/2004	0.0		0.0				(1:0)
13	16011028	Lê Thị	Hà	29/09/2004	7.4		7.1				
14	16011020	Võ Thị	Hậu	30/08/1998	8.3		7.9				
15	16011022	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	13/06/2004	8.0		7.3				
16	16011028	Nguyễn Thị	Hiền	28/11/2002	8.0		7.4				
17	16011039	Nguyễn Thị	Hiền	10/09/2003	0.0		0.0				(1:0)
18	16011026	Phan Thế	Huy	29/09/1999	7.4		3.2				
19	16011024	Bùi Thị Khánh	Huyền	26/01/2004	0.0		0.0				(1:0)

				Số Đvht :	2	8	4				
				Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)				
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	KNGTBH	TTTN	DHCT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011024	Nguyễn Mai	Hương	18/07/2004	8.0		6.9				
21	16011026	Trần Thị Quỳnh	Hương	07/07/2004	7.0		7.2				
22	16011029	Đặng Trung	Kiên	15/10/1998	<u>0.0</u>		<u>0.0</u>				(1:0)
23	16011012	Lâm Ngọc	Linh	11/12/2004	<u>0.0</u>		<u>0.0</u>				(1:0)
24	16011014	Lê Nguyễn Thùy	Linh	11/12/2004	6.5		7.5				
25	16011015	Nguyễn Phương	Linh	19/08/2004	<u>0.0</u>		<u>0.0</u>				(1:0)
26	16011035	Nguyễn Quốc	Linh	05/10/2002	<u>0.0</u>		<u>0.0</u>				(1:0)
27	16011040	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11/07/2004	<u>0.0</u>		<u>0.0</u>				(1:0)
28	16011038	Nguyễn Thành	Long	23/06/2004	<u>0.0</u>		<u>0.0</u>				(1:0)
29	16011026	Bùi Xuân	Mai	06/10/2004	<u>0.0</u>		<u>0.0</u>				(1:0)
30	16011025	Lò Văn Tuấn	Mạnh	25/03/2003	<u>0.0</u>		<u>0.0</u>				(1:0)
31	16011029	Trần Phương	Nam	12/11/1997	<u>0.0</u>		<u>0.0</u>				(1:0)
32	16011029	Trần Thị Kiều	Nga	22/02/2002	8.0		7.7				
33	16011024	Trương Đại	Nghĩa	20/10/2004	7.7		7.3				

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), T.bình khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%), , Không XL: 33 (100.0%)
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) KNGTBH: KỸ NĂNG GIAO TIẾP BÁN HÀNG

(2) TTTN: TT TỐT NGHIỆP

(3) DHCT: DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN